

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2021

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thúy

2. Ông Nguyễn Bình Nam

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Nữ Thanh Hương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2020, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Đăng P, sinh năm: 1973

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ N trình bày:* Chị và anh Nguyễn Ngọc Đăng P tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Cam Bình, thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyền số 04, cấp ngày 21/9/2005. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã ly thân mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau. Nay tình

cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đang P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Trí T, sinh ngày 12/11/2008. Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đang P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến và yêu cầu.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để tham gia hòa giải và xét xử là vi phạm quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, Điều 72 BLTTDS, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Trí T cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận; Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về nợ chung: Không có; Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Huỳnh Thị Mỹ N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Ngọc Đang P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.2] Chị Huỳnh Thị Mỹ N yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đang P. Yêu cầu của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị N và anh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Cam Bình, thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 04, cấp ngày 21/9/2005. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến tháng 5 năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ

việc thiếu trách nhiệm vun đắp gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không còn quan tâm nhau, không còn chung sống với nhau. Từ khi xảy ra mâu thuẫn giữa chị N và anh P cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xác định tình cảm hiện nay với anh P không còn nữa nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án anh P cũng không đến Tòa để tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ anh thờ ơ, bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa anh và chị N.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn anh P là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trí Tài, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Trí T còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc chu đáo của người mẹ và cháu có nguyện vọng được ở với chị N, hơn nữa chị N có nghề nghiệp, thu nhập và nơi ở ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của cháu Tài, phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Vì lợi ích của con, chị N và anh P hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Mỹ N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Mỹ N xác định không có nợ chung.

[2.5] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Mỹ N.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Huỳnh Thị Mỹ N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đang P.

2. *Về con chung*: Chị Huỳnh Thị Mỹ N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trí T, sinh ngày 12/11/2008. Anh Nguyễn Ngọc Đang P tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, chị Huỳnh Thị Mỹ N và anh Nguyễn Ngọc Đang P hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung*: Chị Huỳnh Thị Mỹ N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí*: Chị Huỳnh Thị Mỹ N nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0000860 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Huỳnh Thị Mỹ N đã nộp đủ.

Chị Huỳnh Thị Mỹ N, anh Nguyễn Ngọc Đang P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND xã Cam Bình
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đình Huy**